

Số: 49/2023/CBTT-TVC

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Mã chứng khoán: TVC

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3772 4999

Fax: 024. 6273 2058

Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Hằng**

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt;
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm ngoái.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 28./08./2023 tại đường dẫn <http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✎

Ngày 28 tháng 08 năm 2023 ✎
Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Hằng

Số: .50../2023/CBTT-TVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TVC
- Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.3772 4999 Fax: 024.6273 2058
- Email: Contact@tcorp.vn Website: <http://tcorp.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023 đã được soát xét:
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28./08./2023 tại đường dẫn: <http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: **Không có**
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): **Không có**
- Ngày hoàn thành giao dịch: **Không có**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. ✍

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét;
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm ngoái.

Đại diện tổ chức ✍

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Hằng

Số: 89/2023.../CV-TVC

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3722.4999

Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm 2022, cụ thể như sau:

Nội dung	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Mức chênh lệch	Biến động %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.818.182	(156.818.182)	-100%
Giá vốn hàng bán		102.272.728	(102.272.728)	-100%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	73.228.641	96.712.845.748	(96.639.617.107)	-100%
Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và Chi phí khác	(234.538.670.608)	234.117.479.043	(468.656.149.651)	-200%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	234.611.899.249	(137.350.087.841)	371.961.987.090	270,8%

6 tháng đầu năm 2023 Công ty có lợi nhuận sau thuế là 234,61 tỷ đồng, tăng 371,96 tỷ đồng tương ứng tăng 270,8% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 có được là do hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán và hoàn trích lập đầu tư vào công ty con là 255,12 tỷ đồng. Khoản hoàn nhập dự phòng chủ yếu do giá cổ phiếu HPG tại thời điểm 30/6/2023 tăng 79,83% so với thời điểm 31/12/2022.

Các khoản doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác cũng như các khoản chi phí hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty đều giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 do thời gian này Công ty vẫn tiếp tục tập trung kiện toàn tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và xử lý đơn đốc thu hồi công nợ.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả lợi nhuận kinh doanh sau thuế của kỳ báo cáo riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP HĐQT.


CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN
TRÍ VIỆT
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hằng

Số: 85/2023/CV-TVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC riêng bán niên đã soát xét năm 2023.

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt**

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3722.4999 Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt xin giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh tại Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét năm 2023, cụ thể như sau:

1. Nội dung ngoại trừ:

Ngoại trừ giá trị khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2023 số tiền 269,86 tỷ đồng; phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân là 50,16 tỷ đồng và cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tài chính đối với một số khoản phải thu này; dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con là Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt:

Công ty xin giải trình như sau: Trong số dư nợ phải thu khác tại ngày 30/06/2023 có số tiền 269,86 tỷ đồng là các khoản chuyển cho đối tác bên ngoài theo các hợp đồng hợp tác đầu tư hưởng lợi nhuận cố định và khoản tiền khoảng 50,16 tỷ đồng phải thu tiền chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân phát sinh trong năm 2022. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty sau khi xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi đã quyết định trích lập dự phòng tổn thất một cách thận trọng với tỷ lệ 70% số dư nợ của một số khoản phải thu với số tiền là 170,39 tỷ đồng và không trích lập dự phòng tổn thất với các khoản phải thu các cá nhân (có tổng dư nợ gốc khoảng 79,56 tỷ đồng) dựa trên cam kết thanh toán của các cá nhân này. Do ảnh hưởng không tốt của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nên việc thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư chưa được đồng bộ, do đó Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá mục đích, đối tượng tham gia và giá trị còn lại các khoản nợ phải thu của các hợp đồng nêu trên, nên không đánh giá được về tính phân loại, trình bày, giá trị còn lại của các khoản nợ phải thu và giá trị dự phòng tổn thất cần trích lập đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023, cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2023.

Số dư khoản dự phòng tổn thất vào công ty con là Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt (TVB) tại ngày 30/06/2023 là 101,21 tỷ đồng (giá gốc khoản đầu tư khoảng 554,324 tỷ đồng) được trích lập theo số liệu Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét năm 2023 của TVB. Do Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ nên trên báo cáo kiểm toán của công ty mẹ, kiểm toán viên cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ.

(Phần ý kiến ngoại trừ này đã được đưa ý kiến trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty).



2. Các vấn đề nhấn mạnh.

Về vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty cổ phần Louis Holding, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt:

Công ty xin giải trình như sau: Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/05/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn quản lý Tài sản Trí Việt đã nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng ngày 20/04/2023 và điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2021 phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hiện tại công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự chủ chốt, tái cơ cấu và áp dụng các giải pháp nhằm ổn định hoạt động kinh doanh. Hội đồng quản trị khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty và việc tuân thủ quy định pháp luật kế toán, kiểm toán khi trình bày BCTC.

(Phần ý kiến nhấn mạnh này đã được đưa ý kiến trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty).

Trên đây là một số giải trình của Công ty về việc ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét năm 2023 gửi đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPHDQT.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ
TÀI SẢN TRÍ VIỆT

M.S.D.N: 0106065776 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN
TRÍ VIỆT
Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



Hà Nội, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch - Đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 16/03/2023)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Đình Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 24/06/2023)

Ban Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổng giám đốc - Đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 30/01/2023)
Ông Đỗ Thanh Hà	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/01/2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Thị Hằng
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 166/2023/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 28/08/2023, được trình bày từ trang số 05 đến trang số 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của Kết luận ngoại trừ

Số dư khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2023 của Công ty bao gồm số tiền khoảng 269,86 tỷ đồng là các khoản tiền đã chuyển cho các đối tác bên ngoài theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư hưởng lợi nhuận cố định và số tiền khoảng 50,16 tỷ đồng là khoản phải thu tiền chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân trong năm 2022. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng tổn thất một cách thận trọng với tỷ lệ khoảng 70% số dư nợ của một số khoản phải thu với số tiền khoảng 170,39 tỷ đồng; không trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản phải thu của cá nhân (có tổng số dư nợ gốc khoảng 79,56 tỷ đồng); tổng giá trị thuần của các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023 khoảng 149,63 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá về mục đích, đối tượng tham gia và giá trị còn lại phải thu của các Hợp đồng nêu trên, nên không đánh giá được về tính phân loại, trình bày, giá trị còn lại của các khoản nợ phải thu và giá trị dự phòng tổn thất cần trích lập đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023, cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

Số dư khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt ("TVB") tại ngày 30/06/2023 khoảng 101,212 tỷ đồng (giá gốc khoản đầu tư khoảng 554,324 tỷ đồng) được trích lập theo số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét và chưa bao gồm ảnh hưởng của khoản mục được nêu trong cơ sở của kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính bán niên 2023 của TVB liên quan đến các khoản nợ phải thu và giá trị dự phòng tổn thất được trích lập đang phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt tại ngày 30/06/2023.

Các vấn đề ngoại trừ nêu trên đã được chúng tôi đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 25 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính về vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty Cổ phần Louis Holdings, Công ty Cổ phần Louis Capital, Công ty Cổ phần Louis Land, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt: Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt chịu trách nhiệm dân sự nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư có liên quan. Khoản tiền đã được Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt nộp vào ngày 20/04/2023 và đã điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2021. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty đã kiện toàn tổ chức hoạt động và nhân sự, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, ổn định tình hình tài chính. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		882.541.100.861	735.610.380.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.219.458.685	2.671.198.914
1. Tiền	111	5	6.219.458.685	2.671.198.914
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		721.593.820.174	574.391.562.938
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	777.022.889.306	850.541.618.010
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7	(55.429.069.132)	(276.150.055.072)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.250.080.467	156.407.674.191
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	181.850.500	1.018.826.188
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	322.458.029.967	325.778.648.003
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(170.389.800.000)	(170.389.800.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.477.741.535	2.139.944.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	495.763.984	157.966.617
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.981.977.551	1.981.977.551
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		455.610.254.942	422.508.050.311
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.500.000	179.181.579
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	24.500.000	179.181.579
II. Tài sản cố định	220		2.406.446.850	2.729.053.842
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.406.446.850	2.729.053.842
- Nguyên giá	222		4.516.497.909	4.516.497.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.110.051.059)	(1.787.444.067)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		453.111.583.872	418.708.485.999
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	554.324.106.686	554.324.106.686
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(101.212.522.814)	(135.615.620.687)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		67.724.220	891.328.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	67.724.220	891.328.891
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.338.151.355.803	1.158.118.430.522

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.552.655.154	89.131.629.122
I. Nợ ngắn hạn	310		34.552.655.154	89.131.629.122
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		32.356.897	5.330.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.826.013.417	2.029.870.864
3. Phải trả người lao động	314		1.390.415.128	974.753.041
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	66.062.048	324.373.044
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	751.134.296	14.930.628.805
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	7.020.000.000	47.400.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.466.673.368	23.466.673.368
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	1.303.598.700.649	1.068.986.801.400
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.303.598.700.649	1.068.986.801.400
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.437.300.000	52.437.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.716.973.549	23.716.973.549
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.522.719.055	23.522.719.055
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.815.008.045	(216.796.891.204)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(216.796.891.204)	336.982.650.710
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ này	421b		234.611.899.249	(553.779.541.914)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.338.151.355.803	1.158.118.430.522

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập



Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B02a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	156.818.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	156.818.182
4. Giá vốn hàng bán	11		-	102.272.728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	54.545.454
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	27.774.094	96.712.845.748
7. Chi phí tài chính	22	18	(242.047.523.069)	224.772.248.965
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.415.723.484	20.455.261.799
8. Chi phí bán hàng	25	19	276.583.105	2.389.853.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	6.471.916.050	6.905.375.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		235.326.798.008	(137.300.086.921)
11. Thu nhập khác	31		45.454.547	-
12. Chi phí khác	32	20	760.353.306	50.000.920
13. Lợi nhuận khác	40		(714.898.759)	(50.000.920)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		234.611.899.249	(137.350.087.841)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		234.611.899.249	(137.350.087.841)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập



Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	234.611.899.249	(137.350.087.841)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	322.606.992	320.789.244
- Các khoản dự phòng	03	(255.124.083.813)	201.523.671.296
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.342.976)	(92.781.994.723)
- Chi phí lãi vay	06	2.415.723.484	20.455.261.799
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17.783.197.064)	(7.832.360.225)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.357.275.303	(8.450.051.604)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.940.662.972)	(6.412.691.849)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	485.807.304	(503.328.084)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	73.518.728.704	(837.709.535.702)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.674.034.480)	(32.325.906.192)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(54.736.283.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.963.916.795	(947.970.157.031)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21	-	(76.345.454)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	(2.851.417.676.666)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.955.000.000	3.780.454.714.007
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.342.976	111.353.255.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.964.342.976	1.040.313.947.745
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	3.689.146.343.676
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.380.000.000)	(4.105.247.158.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.380.000.000)	(416.100.814.615)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.548.259.771	(323.757.023.901)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.671.198.914	334.098.886.983
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.219.458.685	10.341.863.082

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Lê Thị Chinh

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Hằng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 27/04/2023.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là Trí Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company.

Tên viết tắt của Công ty là Tập đoàn Trí Việt.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 1.186.106.700.000 đồng tương ứng với 118.610.670 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là TVC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 23 người (tại ngày 31/12/2022 là 24 người).

Trụ sở chính của Công ty tại số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đầu, tư vấn đầu tư;
- Đại lý môi giới đầu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2023, cấu trúc của Công ty gồm có trụ sở chính và một (01) chi nhánh hạch toán phụ thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Tầng 2, tòa nhà Topaz, số 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106065776-002 ngày 25/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 1 ngày 15 tháng 10 năm 2019; Chấm dứt hoạt động từ ngày 09/08/2023.

Công ty có khoản đầu tư vào công ty con sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Số 142 phố Đội Cấn - phường Đội Cấn - quận Ba Đình - thành phố Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng việc áp dụng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán nêu trên là phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) và các công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, thương phiếu, hối phiếu...) nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc (giá trị ghi sổ) và giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

4.7. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng được Công ty phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian trả trước tiền thuê;
- Tiền sửa chữa văn phòng được Công ty phân bổ trong thời gian 1 năm (ngắn hạn) hoặc 3 năm (dài hạn) tùy thuộc vào mức độ sửa chữa từng lần;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm lãi tiền vay và các khoản chi phí phải trả khác. Trong đó, chi phí lãi vay được ước tính dựa trên dư nợ gốc vay, thời hạn và lãi suất áp dụng cho từng kế ước vay.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi bán chứng khoán kinh doanh, lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi trái phiếu, lãi chuyển nhượng cổ phần và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi.
- Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận từng ngày và theo từng sản giao dịch chứng khoán là số chênh lệch giữa tổng giá trị chứng khoán bán ra trong ngày cao hơn giá vốn tương ứng; trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán là giá khớp lệnh trong giao dịch đặt lệnh bán chứng khoán.
- Lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư được xác định trên cơ sở lãi suất cố định trong từng hợp đồng và thời gian hợp tác đầu tư/ đặt cọc. Các khoản lãi này có thể thay đổi khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm

trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải

trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.16. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	6.219.458.685	2.671.198.914
Cộng	<u>6.219.458.685</u>	<u>2.671.198.914</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Nhà khách Hồ Tây	-	936.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	181.850.500	82.826.188
Cộng	<u>181.850.500</u>	<u>1.018.826.188</u>

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
- HPG	673.516.776.467	619.883.893.350	(53.632.883.117)	726.082.934.071	460.244.322.000	(265.838.612.071)
- FPT	95.021.528.714	101.523.172.000	-	111.124.784.894	106.314.403.800	(4.810.381.094)
- TDH	8.300.794.495	6.538.462.000	(1.762.332.495)	8.300.794.495	3.759.280.000	(4.541.514.495)
- MWG	-	-	-	3.621.182.920	3.088.800.000	(532.382.920)
- Khác	183.789.630	158.490.000	(33.853.520)	1.411.921.630	987.412.000	(427.164.492)
Cộng	777.022.889.306	728.104.017.350	(55.429.069.132)	850.541.618.010	574.394.217.800	(276.150.055.072)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	495.763.984	157.966.617
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	34.348.640
Chi phí thuê văn phòng	448.500.000	-
Các khoản khác	47.263.984	123.617.977
Dài hạn	67.724.220	891.328.891
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.734.713	32.371.521
Sửa chữa cải tạo văn phòng	16.407.182	818.942.191
Chi phí phát hành trái phiếu	13.888.885	30.555.553
Các khoản khác	22.693.440	9.459.626
Cộng	563.488.204	1.049.295.508

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	4.440.152.455	76.345.454	4.516.497.909
Tại ngày 30/06/2023	4.440.152.455	76.345.454	4.516.497.909
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	1.778.355.327	9.088.740	1.787.444.067
Khấu hao trong kỳ	317.153.748	5.453.244	322.606.992
Tại ngày 30/06/2023	2.095.509.075	14.541.984	2.110.051.059
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	2.661.797.128	67.256.714	2.729.053.842
Tại ngày 30/06/2023	2.344.643.380	61.803.470	2.406.446.850

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	322.458.029.967	(170.389.800.000)	325.778.648.003	(170.389.800.000)
- Tạm ứng	2.025.289.586	-	2.390.907.622	-
- Bà Vũ Thị Thủy (tiền nhận chuyển nhượng trái phiếu)	50.160.849.315	-	50.160.849.315	-
- Phải thu của các Hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	269.859.000.000	(170.389.800.000)	272.814.000.000	(170.389.800.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Rồng Việt	67.920.000.000	(48.244.000.000)	68.920.000.000	(48.244.000.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Gió Mới	123.869.000.000	(87.145.800.000)	124.494.000.000	(87.145.800.000)
+ Công ty Cổ phần Tcapital	48.670.000.000	(35.000.000.000)	50.000.000.000	(35.000.000.000)
+ Ông Trịnh Huy Bình	29.400.000.000	-	29.400.000.000	-
- Lãi dự thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	412.641.066	-	412.641.066	-
- Kỳ quỹ ký cược ngắn hạn	250.000	-	250.000	-
Dài hạn	24.500.000	-	179.181.579	-
- Đặt cọc, ký quỹ	24.500.000	-	179.181.579	-
Cộng	322.482.529.967	(170.389.800.000)	325.957.829.582	(170.389.800.000)

(i): Các khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và các đối tác với thời hạn không quá 365 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền hợp tác đầu tư, hiện tại một số hợp đồng đã đến hạn thanh toán. Công ty được hưởng mức lợi nhuận cố định theo từng hợp đồng, không phụ thuộc vào kết quả đầu tư kinh doanh của bên nhận đầu tư. Việc đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác này do các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty trực tiếp thực hiện. Do các sự kiện pháp lý xảy ra đối với các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty trong năm 2022 và 2023; Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đánh giá Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá một cách thận trọng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc quyết định trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ khoảng 70% số dư của một số khoản phải thu (không bao gồm khoản phải thu Ông Trịnh Huy Bình).

Trong năm 2023, Công ty và các đối tác đã làm việc và thống nhất không tính lãi với các hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên kể từ ngày 01/01/2023 cho đến khi thu hồi hết khoản tiền gốc hợp tác hoặc trong trường hợp Công ty có thông báo thay thế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	50,47%	50,47%	554.324.106.686	(101.212.522.814)
Cộng			554.324.106.686	(101.212.522.814)
			554.324.106.686	(135.615.620.687)
			554.324.106.686	(135.615.620.687)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (mã cổ phiếu: TVB) hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Cổ phiếu TVB hiện đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào TVB được trích lập theo số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét và chưa bao gồm ảnh hưởng của các khoản mục được nêu trong cơ sở của kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính bán niên 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/06/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.981.977.551)	-	-	(1.981.977.551)				
Thuế thu nhập cá nhân	400.198.151	445.403.795	649.261.242	196.340.704				
Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.629.672.713	4.000.000	4.000.000	1.629.672.713				
Cộng	47.893.313	449.403.795	653.261.242	(155.964.134)				
Trong đó:								
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.981.977.551			1.981.977.551				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.029.870.864			1.826.013.417				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	66.062.048	324.373.044
Cộng	<u>66.062.048</u>	<u>324.373.044</u>

14. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	150.218.406	136.730.406
Phải trả cổ tức	132.518.920	132.518.920
Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (i)	-	14.156.982.509
Phải trả khác	468.396.970	504.396.970
Cộng	<u>751.134.296</u>	<u>14.930.628.805</u>

(i): Lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư phải nộp sung quỹ Nhà nước nhằm khắc phục hậu quả của vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty Cổ phần Louis Holdings, Công ty Cổ phần Louis Capital, Công ty Cổ phần Louis Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt. Công ty đã nộp số tiền này vào ngày 20/04/2023.

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>30/06/2023</u>			<u>01/01/2023</u>		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%/năm	Năm	VND	%/năm	Năm
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	7.020.000.000			47.400.000.000		
- Trái phiếu T-CORP8 (*)	7.020.000.000	10,53%	3	47.400.000.000	10,53%	3
Cộng	<u>7.020.000.000</u>			<u>47.400.000.000</u>		

(*) Khoản trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành với mã trái phiếu là T-CORP8, mệnh giá là 10.000.000 đồng/ trái phiếu, lãi suất 10,53%/năm. Trái phiếu có kỳ hạn là 36 tháng tính từ ngày phát hành, thời gian đáo hạn là ngày 09/12/2023, thanh toán lãi 6 tháng/lần; mua lại trái phiếu vào 12 tháng, 18 tháng, 24 và 30 tháng kể từ ngày phát hành và trái chủ có quyền yêu cầu tổ chức phát hành mua lại trái phiếu đã phát hành. Công ty đã mua lại trước hạn một phần trái phiếu phát hành, số dư trái phiếu tại ngày lập Báo cáo tài chính này là 7.020.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	1.186.106.700.000	52.437.300.000	52.437.300.000	3.672.609.748	3.478.355.254	397.293.197.316	1.642.988.162.318				
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(553.779.541.914)				(553.779.541.914)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	20.044.363.801	20.044.363.801	20.044.363.801	(60.310.546.606)				(20.221.819.004)
Tại ngày 01/01/2023	1.186.106.700.000	52.437.300.000	52.437.300.000	23.716.973.549	23.522.719.055	(216.796.891.204)	1.068.986.801.400				
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	234.611.899.249	234.611.899.249				
Tại ngày 30/06/2023	1.186.106.700.000	52.437.300.000	52.437.300.000	23.716.973.549	23.522.719.055	17.815.008.045	1.303.598.700.649				

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	160.214.630.000	13,51%	160.214.630.000	13,51%
Ông Phạm Thanh Tùng	83.901.340.000	7,07%	83.901.340.000	7,07%
Các cổ đông khác	941.990.730.000	79,42%	941.990.730.000	79,42%
Cộng	1.186.106.700.000	100%	1.186.106.700.000	100%

(i): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/TVC ngày 09/07/2022 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 trong đó chi trả cổ tức năm 2021 lần 2 với số tiền là 118.610.670.000 đồng (tỷ lệ chi trả 10%). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa có Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phương án chi trả cổ tức nêu trên.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu:

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.610.670	118.610.670
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.610.670	118.610.670
- Cổ phiếu phổ thông	118.610.670	118.610.670
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.610.670	118.610.670
- Cổ phiếu phổ thông	118.610.670	118.610.670
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.952.976	7.832.354.084
Lãi mua, bán chứng khoán kinh doanh	18.431.118	3.930.851.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.390.000	70.654.846.500
Lãi trái phiếu	-	1.532.301.370
Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	9.067.839.490
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.694.653.279
Cộng	27.774.094	96.712.845.748

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền vay	2.415.723.484	20.455.261.799
Lỗ kinh doanh chứng khoán	10.510.419.822	2.279.000.685
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán	(220.720.985.940)	201.523.671.296
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	(34.403.097.873)	-
Chi phí tài chính khác	150.417.438	514.315.185
Cộng	(242.047.523.069)	224.772.248.965

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí bán hàng	276.583.105	2.389.853.379
Chi phí nhân viên	253.257.387	1.981.089.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.745	330.520.744
Chi phí khác bằng tiền	21.602.973	78.243.405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.471.916.050	6.905.375.779
Chi phí nhân viên quản lý	3.992.294.405	2.854.027.820
Chi phí vật liệu quản lý	1.434.508.881	599.286.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.606.992	320.789.244
Thuế, phí và lệ phí	96.780.423	337.187.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.223.833	2.782.090.702
Chi phí khác bằng tiền	315.501.516	11.994.000
Cộng	6.748.499.155	9.295.229.158

20. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi ủng hộ	-	50.000.000
Chi phí thanh lý thiết bị, đồ dùng văn phòng	759.189.011	-
Các khoản khác	1.164.295	920
Cộng	760.353.306	50.000.920

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	234.611.899.249	(137.350.087.841)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	70.654.846.500
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	761.812.057	185.771.429
Thu nhập chịu thuế	235.373.711.306	(207.819.162.912)
Kết chuyển lỗ	(235.373.711.306)	-
Thu nhập tính thuế	-	(207.819.162.912)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan có giao dịch và số dư với Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Luật TNHH Hà Ninh	Tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Số dư với bên liên quan:

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán Trí Việt		
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	23.050.472	19.298.696

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt		
Phí lưu ký	5.788.007	4.916.737
Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển nhượng	22.535.250	919.833.744
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	32.842.522
Lãi tiền gửi thanh toán	9.056	1.397.871
Cổ tức nhận bằng tiền	-	56.576.356.000
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt		
Thu tiền thoái vốn tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt	-	50.853.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	156.818.182
Công ty Luật TNHH Hà Ninh		
Mua hàng hóa, dịch vụ	50.000.000	-

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/03/2023)	561.911.111	-
Ông Phạm Thanh Tùng (*)	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)	55.555.555	325.520.000
(*) Khoản tiền thưởng của năm 2022			
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)	282.240.000	-
Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/07/2022)	-	36.000.000
Ông Nguyễn Phi Khanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/07/2022)	-	33.333.330
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên HĐQT	133.333.332	33.333.330
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)	55.555.555	-
Bà Nguyễn Thị Đình Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/06/2023)	128.282.827	-
Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/01/2023)	579.069.018	-
Ông Đỗ Thanh Hà	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/01/2023)	50.000.000	1.235.796.662
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/4/2022)	-	327.383.333
Cộng		1.845.947.398	1.991.366.655

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 05/07/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh này đã chính thức giải thể từ ngày 09/08/2023 theo Thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

24. THÔNG TIN BỔ SUNG

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ/TVC ngày 24/06/2023 đã thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu mua lại tối đa là 10.000.000 cổ phiếu, phương thức giao dịch mua lại là khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT/TVC ngày 13/07/2023 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, tổng khối lượng cổ phiếu đăng ký mua lại đợt 1 là 5.000.000 cổ phiếu; thời gian giao dịch dự kiến vào quý III, quý IV năm 2023. Hiện tại, Công ty đang triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết này.

25. THÔNG TIN KHÁC

Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt chịu trách nhiệm dân sự nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư có liên quan. Khoản tiền này đã được Công ty nộp vào ngày 20/04/2023, Công ty đã điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2021 liên quan đến số tiền nói trên. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty đã kiện toàn tổ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chức hoạt động và nhân sự, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, ổn định tình hình tài chính. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán chuyên sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập



Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng